TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2017
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều**.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Minh Út

2. Ông Nguyễn Văn Dũ

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2017 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh C.

2. Bị đơn: Ông Trần Quốc T, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 5 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày: Bà và ông Trần Quốc T chung sống với nhau vào năm 2007, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã V, huyện P, tỉnh C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc, sống chung càng lâu thì vợ chồng thường cự cãi nguyên nhân do ông T tham gia tệ nạn xã hội, ông T thường xuyên uống rượu và xúc phạm, đánh đập bà. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông T nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Trong quá trình chung

sống bà và ông T có một người con chung tên Trần Gia Kh, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2008, con chung hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với ông Trần Quốc T, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia hòa giải và xét xử theo quy định nhưng ông T vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Th đối với ông Trần Quốc T là quan hệ tranh chấp "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" nên yêu cầu khởi kiện của bà Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Th với ông Trần Quốc T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh C nên hôn nhân của bà Th và ông T là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa bà Th giữ yêu cầu ly hôn với ông T vì cho rằng bà không còn thương yêu ông T. Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ ông T nhiều lần để tham gia hòa giải và xét xử nhưng ông T vắng mặt, không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Th. Tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*". Tại phiên tòa bà Th cho rằng không còn thương yêu ông T nên vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc giúp đỡ nhau. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Th và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Th về việc yêu cầu ly hôn với ông Trần Quốc T.

[3] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà Th và ông T có một người con chung tên Trần Gia Kh, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2008, con chung hiện nay do bà Th đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Th yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay con chung do bà Th đang trực tiếp nuôi dưỡng và tại phiên tòa người con chung Trần Gia Kh có nguyện vọng được chung sống với bà Th. Tòa án có tống đạt thông báo thụ lý cho ông T nhưng

ông T không có ý kiến gì về yêu cầu được nuôi con chung của bà Th nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Th về việc trực tiếp nuôi con chung. Giao người con chung tên Trần Gia Kh, sinh ngày 24 tháng 4 năm 2008 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T có quyền thăm nom người con chung không ai được cản trở. Bà Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Th không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Th phải chịu 300.000đ, bà Th đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

* Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Th và ông Trần Quốc T.

- Về quyền nuôi con chung: Giao người con chung tên Trần Gia Kh sinh ngày 24 tháng 4 năm 2008 cho bà Th trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Quốc T có quyền thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

Khi có lý do chính đáng các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Trần Thị Th phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006556 ngày 01 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm , bà Th có quyền kháng cáo trong 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Quốc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị*

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *UBND xã V,huyện P,tỉnh C (1b);*
- *Các đương sự (1b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Cà Mau (1b);*
- *VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *UBND xã Việt Thắng, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau (1b);*
- *Các đương sự (1b);*
- *Lưu hồ sơ, văn thư (1b).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều